

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 9 – 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Minh Sang

Ông Đinh Chí Hiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2024/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ngày 29/9/2010. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông N thường hay đánh bà, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2017. Nay bà Y xác định không còn tình cảm với ông N và không thể trở về chung sống với ông N được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc V sinh ngày 13/4/2011 và Nguyễn Minh K sinh ngày 02/10/2012, hiện các con do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung; vấn đề cấp dưỡng cho con bà Y không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn N, thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng ông N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Y với ông N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y với ông Nguyễn Văn N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Y xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Tại phiên tòa bà Y xác định không còn tình cảm với ông N và cũng không thể tiếp tục chung sống với ông N được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông N; đối với ông Nguyễn Văn N, đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của bà Y nhưng ông N cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y, điều này cho thấy ông N đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa; mặt khác thời gian ông bà ly thân nhau đã quá lâu mà không hàn gắn được. Từ đó cho thấy hôn nhân của bà Y với ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y được ly hôn với ông N là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Y và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V sinh ngày 13/4/2011 và Nguyễn Minh K sinh ngày 02/10/2012, hiện do bà Y đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Y yêu cầu nuôi cả 02 con chung; đối với ông N không có ý kiến gì về con chung. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao 02 cháu V và K cho bà Y nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu V và K; vấn đề cấp dưỡng cho con bà Y không yêu cầu nên không xem xét. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Y xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông N không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông N không có ý kiến gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y. Cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc V sinh ngày 13/4/2011 và Nguyễn Minh K sinh ngày 02/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016367 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Cái Nước;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tiêu Hồng Phụng**

